

Số: 16 /HD-SNN

Trà Vinh, ngày 18 tháng 01 năm 2019

**HƯỚNG DẪN**  
**Quy trình kỹ thuật chăn nuôi Vịt thịt**

## **I. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC**

Vịt thuộc loài thủy cầm, thích sống bầy đàn, có khả năng kiếm ăn rất tốt dưới nước. Vịt trưởng thành được che phủ bởi lớp lông vũ có chức năng giữ ấm tốt.

## **II. GIỚI THIỆU VỀ GIỐNG**

### **1. Vịt chuyên thịt (CV, Super Meat)**

- Đặc điểm ngoại hình: Màu lông trắng tuyền, chân và mỏ màu vàng cam, vịt mới nở lông màu vàng rơm. Vịt trưởng thành có đầu to, cổ dài, chân cao so với các giống vịt chuyên thịt khác, dáng gàn song song với mặt đất.

- Chỉ tiêu năng suất: Khối lượng trưởng thành vịt trống 4,7 kg, vịt mái 3,7 kg. Tiêu tốn từ 2,2 - 2,6 kg thức ăn cho 01 kg tăng trọng. Tỷ lệ nuôi sống 97%, tỷ lệ thịt xẻ đạt 73,5%; tỷ lệ cơ đùi 11,4 %; tỷ lệ cơ ức 12,5%. Có khả năng thích nghi cao có thể nuôi được mọi vùng sinh thái khác nhau (nuôi nhốt hoặc chăn thả).

### **2. Vịt Grimaud (vịt siêu nạc)**

- Đặc điểm ngoại hình: Cổ ngắn, tròn mình, lông trắng, mượt; mỏ và chân màu vàng chanh. Thân dài, ngực nở, chân cao.

- Chỉ tiêu năng suất: Trọng lượng cơ thể giai đoạn 42 - 49 ngày tuổi từ 3,2 - 3,7 kg; 56 ngày tuổi đạt 4 kg. Tiêu tốn từ 1,96 - 2,4 kg thức ăn cho 01 kg tăng trọng. Tỷ lệ nuôi sống 96 - 98%; tỷ lệ thịt xẻ 69,8%; tỷ lệ cơ đùi 27,5%; tỷ lệ cơ ức trên 20%.

### **3. Vịt Biển (vịt kiêm dụng)**

- Đặc điểm ngoại hình: Vịt Biển mới nở có lông màu vàng nhạt, ở đầu và đuôi có phốt đen, vịt trưởng thành có màu lông cánh sẫm, cổ có khoang trắng, lông cánh màu xanh đen, mỏ và chân màu vàng nhạt, có con màu xám, cổ trung bình.

- Chỉ tiêu năng suất: Trọng lượng cơ thể giai đoạn 10 tuần tuổi từ 2,7 - 2,8 kg. Tiêu tốn 2,8 kg thức ăn cho 1 kg tăng trọng. Tỷ lệ nuôi sống 98%; tỷ lệ thịt xẻ đạt 71%; tỷ lệ cơ đùi 11,4%; tỷ lệ cơ ức 16%.

### III. CHUẨN BỊ CHUỒNG TRẠI

#### 1. Chuồng trại nuôi vịt

Chuồng nuôi vịt được xây dựng biệt lập cách xa nhà ở, khu dân cư, xa đường giao thông và các công trình công cộng đông người, có tường rào bao quanh, cách ly. Khu vực xây đảm bảo cao ráo, thoáng mát, không bị mưa tạt, gió lùa. Hướng xây dựng chuồng tốt nhất là hướng đông để có thể đón ánh nắng buổi sáng và tránh ánh nắng gay gắt vào buổi chiều, nên trồng cây xanh để có thể giảm bức xạ nhiệt những khi trời nắng nóng. Cần bố trí chuồng vịt con, vịt hậu bị, vịt đẻ thành các khu riêng.

#### 2. Chuẩn bị vệ sinh chuồng trại trước khi đưa vịt vào nuôi

- Trước 2 tuần: Hoàn thành việc dọn dẹp, xịt rửa vệ sinh chuồng trại, thiết bị, sửa chữa nền chuồng, sân chơi, quây ngăn, bạt che...Tiến hành phun thuốc khử trùng lần 1, sau đó mở bạt để trống chuồng nuôi.

- Trước 5 ngày thả giống, kiểm tra lại các thiết bị, tất cả phải được vệ sinh sạch sẽ, tiến hành rải độn chuồng phun khử trùng lần 2, sau đó mở bạt để trống chuồng nuôi.

#### 3. Chăm sóc nuôi dưỡng

##### 3.1. Mật độ nuôi

**Bảng 1: Mật độ nuôi (con/m<sup>2</sup> nền chuồng)**

Tuổi	Nuôi không cần nước bơi lội			Nuôi có nước bơi lội	
	Nhốt trong chuồng	Chuồng có sân chơi	Chuồng + Vườn cây	Chuồng + nhốt trên ao, sông, hồ	Chuồng + nhốt trên ruộng lúa
Tuần đầu	25 - 30	25 - 30	25 - 30	25 - 30	25 - 30
2 - 3 tuần	10 - 15	15 - 20	15 - 20	15 - 20	15 - 20
4 - 5 tuần	4 - 5	5 - 6	6 - 8	6 - 8	6 - 8
6 tuần - giết thịt	3	3 - 4	4 - 5	4 - 5	4 - 5

##### 3.2. Nhiệt độ úm

- + Từ 1 - 5 ngày tuổi, nhiệt độ úm từ 32 - 28°C.
- + Từ 6 - 14 ngày tuổi, nhiệt độ úm từ 28 - 25°C.
- + Từ 15 ngày tuổi nuôi theo nhiệt độ môi trường.

##### 3.3. Ánh sáng

- Nuôi vịt thương phẩm theo phương thức nuôi nhốt, thường cho vịt ăn tự do cả ngày lẫn đêm để khai thác tối đa khả năng tăng trọng, do đó chúng ta cần thấp đèn ban đêm cho vịt dễ dàng ăn uống.

- Duy trì 1 giờ tối để vịt làm quen khi bị mất điện đột xuất, nếu không vịt sẽ hoảng sợ khi mất điện.

- Sử dụng đèn điện hoặc các nguồn chiếu sáng khác để chiếu sáng bổ sung từ 19 giờ tối đến 6 giờ sáng.

### 3.4. Ẩm độ không khí

- Ẩm độ tương đối thích hợp cho vịt từ 60 - 70%.

- Chuồng trại ẩm ướt sẽ làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh đối với vịt.

- Khi độ ẩm không khí cao thì phải giảm mật độ nuôi và bổ sung chất độn chuồng.

### 3.5. Độ thông thoáng

- Độ thông thoáng giúp trao đổi không khí chuồng nuôi với môi trường bên ngoài, làm tăng lượng ôxy và đẩy các khí độc ra ngoài.

- Độ ẩm chuồng nuôi cao sẽ làm giảm độ thông thoáng, cần bổ sung thêm chất độn chuồng thường xuyên.

- Hệ thống chuồng mở đang được nuôi phổ biến hiện nay có độ thông thoáng tốt. Tuy nhiên, khi nuôi vịt con trong 2 tuần đầu cần được che chắn để hạn chế gió thổi mạnh vào chuồng.

### 3.6. Thức ăn

#### 3.6.1. Tiêu chuẩn dinh dưỡng

**Bảng 2: Tiêu chuẩn dinh dưỡng thức ăn**

Giai đoạn	0 - 3 tuần tuổi	4 tuần tuổi - giết thịt
Diễn giải		
ME (kcal/kg)	2.700 - 2.800	2.800 - 2.900
Protein (%)	20 - 22	18 - 19

#### 3.6.2. Cách cho ăn

- Đối với vịt thương phẩm thức ăn được cung cấp tự do để khai thác tối ưu khả năng sinh trưởng nhằm rút ngắn thời gian nuôi.

- Để vịt có thể thu nhận thức ăn nhiều thì nên cho thức ăn theo bữa (4 - 6 lần/ngày), thức ăn trong máng hết mới đổ để đảm bảo thức ăn mới thơm ngon.

- Giai đoạn úm vịt (2 tuần đầu) sử dụng thức ăn hỗn hợp, từ tuần tuổi thứ 3 trở đi có thể sử dụng thức ăn đậm đặc phối trộn với lúa, bắp theo chỉ dẫn của nhà sản xuất để làm giảm chi phí thức ăn.

#### 3.6.3. Rau xanh

- Vịt con từ ngày tuổi thứ 4 trở đi cần được cho ăn rau xanh để cung cấp vitamine và xơ, giúp cho đường tiêu hoá của vịt phát triển.

- Nguồn rau xanh cho vịt ăn cần phải rửa sạch sẽ, cho ăn tươi, gồm các loại như: Rau muống, bèo lục bình (bèo tây), bèo tấm... Đối với vịt con, rau xanh thái nhỏ, bổ sung hàng ngày từ 10 - 20% thức ăn hỗn hợp.

#### 3.6.4. Nước uống

- Nước uống phải đảm bảo có đầy đủ suốt ngày đêm, vịt không thể ăn mà không có nước uống. Nước phải đảm bảo sạch sẽ, vệ sinh máng uống hàng ngày, máng treo nâng dần theo độ lớn của vịt, đáy máng nước uống cần luôn luôn cao ngang lưng vịt, mức nước trong máng không được thấp hơn dưới 01cm

- Đối với giống vịt Biền có thể nuôi ở môi trường nước lợ và nước mặn. Tuy nhiên trong 02 tuần đầu úm phải sử dụng nước ngọt, sau đó tập dần cho vịt nuôi ở môi trường nước lợ hoặc nước mặn.

#### 3.6.5. Theo dõi sinh trưởng

Tiến hành cân vịt để đánh giá khả năng sinh trưởng định kỳ vào các thời điểm: 4 tuần tuổi (28 ngày tuổi), 6 tuần tuổi (42 ngày tuổi), 7 tuần tuổi (49 ngày tuổi), 8 tuần tuổi (56 ngày tuổi), 9 tuần tuổi (63 ngày tuổi), 10 tuần tuổi (70 ngày tuổi), khối lượng xuất bán.

#### 4. Ghi chép nhật ký hằng ngày

Hằng ngày phải ghi chép số lượng vịt loại, vịt chết, lượng thức ăn tiêu thụ, sử dụng thuốc, vắc-xin... để đánh giá đàn vịt nuôi sau này.

#### 5. Xử lý chất thải

Nên kết hợp mô hình vịt-cá: Vịt thải phân làm thức ăn cho cá. Phân vịt là thức ăn cho các động vật thủy sinh khác tồn tại và phát triển, sau đó động vật thủy sinh lại trở thành thức ăn cho cá. Vịt bơi lội, lặn hụp làm tăng lượng ôxy hòa tan trong nước giúp cho cá có đủ lượng ôxy cần thiết trong quá trình hô hấp. Thức ăn dư thừa, vương vãi của vịt đưa xuống ao làm thức ăn cho cá.

### V. PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH THƯỜNG GẶP

**1. Quy trình phòng bệnh:** Tùy vào tình hình dịch tễ địa phương lịch phòng bệnh có sự thay đổi theo trình tự thời gian.

**Bảng 3: Lịch tiêm phòng bằng vắc-xin**

Ngày tuổi	Loại vắc-xin	Phòng bệnh	Cách sử dụng
03	Viêm gan vịt	Viêm gan vịt do vi-rút	Tiêm dưới da cổ hoặc uống
18	Dịch tả vịt (lần 1)	Dịch tả vịt	Tiêm dưới da cổ
25	H5N1 (lần 1)	Cúm gia cầm	Tiêm dưới da cổ, liều 0,5 ml
37	Dịch tả vịt (lần 2)	Dịch tả vịt	Tiêm dưới da cổ, liều 1 ml
50	H5N1 (lần 2)	Cúm gia cầm	Tiêm dưới da cổ, liều 1 ml

## 1.1. Bảo quản

- Thiết bị bảo quản: Tủ lạnh
- Nhiệt độ bảo quản: 4 - 8°C
- Bảo quản khi vận chuyển: Sử dụng thùng xốp, bên trong bỏ đá.
- Thời gian bảo quản tại trại: Vắc-xin dịch tả vịt không quá 45 ngày, vắc-xin H5N1 không quá 3 tháng.

## 1.2. Cách sử dụng:

- Thời gian chích: 6 - 9 giờ sáng.
- Cách pha và liều tiêm: Theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Khi lấy vắc-xin trong tủ lạnh ra cần để ở nhiệt độ phòng 15 - 20 phút rồi mới pha. Vắc-xin sau khi pha không nên để quá 3 giờ điều kiện trong thùng đá.
- Vị trí chích: Dưới da 1/3 trên của cổ.

## 2. Phòng bệnh bằng thuốc bổ trợ

**Bảng 4: Lịch trình phòng bệnh bằng thuốc.**

Loại thuốc	Cách dùng	Lịch dùng
B. Complex	Pha nước (theo liều chỉ định)	1 - 10 ngày tuổi
Vitamin C	Trộn thức ăn hoặc pha nước uống (theo liều chỉ định)	Định kỳ 1 - 2 lần/tuần
Điện giải	Trộn thức ăn hoặc pha nước uống (theo liều chỉ định)	Định kỳ 1 - 2 lần/tuần

## 3. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng

- Phun khử trùng các loại phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi: Ô tô, xe chở thức ăn...
- Hạn chế khách thăm trại: Cần có đồ bảo hộ như quần áo, ủng, dép cho khách khi thăm trại.
- Phun thuốc khử trùng định kỳ 1 lần/tuần khu vực chuồng nuôi. Thời gian phun từ 8 - 10 giờ sáng. Liều lượng phun theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Vệ sinh chuồng sau mỗi đợt nuôi; rửa sạch máng ăn, ổ đẻ sau đó phơi khô.
- Chất độn chuồng nuôi được thu gom làm phân bón cho cây trồng.
- Nên để trống chuồng ít nhất 15 ngày để nuôi đợt mới.

## 4. Một số bệnh thường gặp

### 4.1. Bệnh Cúm gia cầm

- **Nguyên nhân:** Cúm gia cầm là bệnh truyền nhiễm do virus cúm type A thuộc họ *Orthomyxoviridae* gây ra. Là một bệnh truyền nhiễm cấp tính rất nguy

hiểm đối với gia cầm, thủy cầm. Bệnh có thể lây trực tiếp sang người và gây tử vong.

Cách truyền lây: Truyền trực tiếp giữa con mắc bệnh hoặc con mang trùng tới con cảm nhiễm hoặc truyền gián tiếp thông qua không khí, dụng cụ chăn nuôi, xe cộ, phân rác, thức ăn nước uống có chứa mầm bệnh...

- **Triệu chứng:** Con vật sốt cao giảm hoạt động, giảm tiêu thụ thức ăn, gây yếu. Trường hợp nặng biểu hiện ho, thở khó, chảy nước mắt, đứng tùm tùm một chỗ, lông xù, phù đầu và mặt, những chỗ da không có lông bị tím tái, chân bị xuất huyết, rối loạn thần kinh, tiêu chảy... Trường hợp vi-rút gây bệnh có độc lực cao, vịt có thể mắc và chết tới 100%.

- **Bệnh tích:** Phù quanh mí mắt. Xuất huyết đốm ở bề mặt niêm mạc và tương mạc nội tạng. Viêm xuất huyết hầu hết toàn bộ đường tiêu hoá đặc biệt thấy rõ ở manh tràng, dạ dày tuyến nơi tiếp giáp với mề...

- **Phòng bệnh:** Chủ yếu bằng tiêm phòng vắc-xin. Tăng cường sức đề kháng. Định kỳ tiêu độc, sát trùng chuồng trại, ngăn chặn không để dịch xảy ra.

- **Điều trị:** Hiện nay chưa có thuốc đặc hiệu để điều trị bệnh Cúm gia cầm.

#### 4.2. Bệnh Dịch tả vịt (*Duck Plague, Duck Virus Enteritis*)

- **Nguyên nhân:** Bệnh Dịch tả vịt hay còn gọi là bệnh viêm ruột siêu vi trùng vịt (*Duck Plague- DP, Duck Virus Enteritis - DVE*), là một bệnh truyền nhiễm lây lan mạnh do *Herpesvirus* gây ra. Bệnh thường thấy ở thể cấp tính với tỷ lệ chết cao (tới 100%). Bệnh lây lan rất nhanh ở những đàn vịt chăn thả tự do.

- **Triệu chứng:** Thời gian ủ bệnh thường kéo dài từ 2 - 7 ngày. Vịt chết ngay khi còn đang bơi mà không biểu hiện triệu chứng lâm sàng. Lúc đầu, vịt kém linh hoạt, ăn ít hoặc bỏ ăn, nằm một chỗ cánh sã xuống đất, đi lại khó khăn, lười bơi lội. Ở vịt con, triệu chứng đầu tiên có thể thấy là viêm giác mạc, mắt - ướt sau đó sưng và dính mí mắt, vịt không mở mắt được. Vịt bệnh lông xù, sưng vùng đầu mặt, tiêu chảy, phân vàng - xanh nhạt, đôi khi lẫn máu. Xung quanh hậu môn dính đầy phân...

- **Bệnh tích:** Tập trung ở đường tiêu hoá, nhất là trong thực quản và hậu môn. Viêm ruột xuất huyết, viêm xuất huyết và kéo màng giả ở hầu, thực quản và hậu môn. Lách giảm thể tích; gan sưng to, trên bề mặt và trên mặt cắt thấy có các nốt hay vùng hoại tử, xuất huyết; gan thoái hoá giống như đá cẩm thạch.

- **Phòng bệnh:** Chăm sóc tốt đàn vịt; tiêm phòng vắc-xin; định kỳ tiêu độc, sát trùng chuồng trại để tiêu diệt mầm bệnh.

- **Trị bệnh:** Hiện nay chưa có loại thuốc đặc hiệu để điều trị.

#### 4.3. Bệnh Tụ huyết trùng (*Pasteurellosis, Fowl cholera*)

- **Nguyên nhân:** Đây là một trong những bệnh quan trọng gây chết hàng loạt và nhiều tổn thất nghiêm trọng cho các trại chăn nuôi vịt công nghiệp cũng như chăn nuôi gia đình.

Bệnh gây bởi vi khuẩn Gram (-) *Pasteurella multocida*. Bệnh tụ huyết trùng là một bệnh cực kỳ nguy hiểm đối với vịt trên 4 tuần tuổi. Thiệt hại nặng

nền nhất của bệnh là những đàn vịt giống và vịt đẻ trứng. Tỷ lệ chết có khi tới 50%. Bệnh lây lan qua đường tiêu hoá, hô hấp, không khí, thức ăn, nguồn nước uống. Bệnh có thể phát không do lây lan, mà tự phát, con vật khoẻ mạnh mang sẵn vi khuẩn trong cơ thể, khi sức đề kháng của cơ thể suy giảm do nhiều nguyên nhân, vi khuẩn tăng độc lực và bệnh phát ra.

- **Triệu chứng:** Bệnh có thể tiến triển 3 thể, gồm thể quá cấp, thể cấp tính và thể mãn tính. Bệnh nặng hay nhẹ phụ thuộc vào độc lực của chủng vi khuẩn gây bệnh. Thể quá cấp gây chết đột ngột và thường không có biểu hiện các triệu chứng lâm sàng. Triệu chứng của thể cấp tính phổ biến là vịt bệnh ủ rũ, sau qụy không đứng dậy được; vịt khát nước, sốt cao, thở khó, lông dựng ngược; có nhiều màng trắng đục trong xoang miệng; vịt tiêu chảy, lúc đầu có những điểm trắng, sau chuyển thành một màu xanh nhạt. Nếu ở thể mãn tính, vịt bị sưng các khớp chân, viêm màng não làm vịt bị ngoẹo cổ; vịt đẻ thường bị vỡ trứng và chết.

- **Bệnh tích:** Gan vịt bệnh sưng to, đôi khi phủ một lớp màng *fibrin* mỏng. Dưới màng gan, hoại tử màu vàng nhạt to bằng hạt bắp, có khi những điểm hoại tử nhìn thấy trên mặt của gan và kích thước khác nhau. Xuất huyết lấm chấm hay tràn lan ở màng tim, những điểm xuất huyết còn thấy trên màng của các cơ quan nội tạng, túi khí và niêm mạc ruột.

- **Phòng bệnh:** Thường xuyên vệ sinh, tiêu độc khử trùng khu vực chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi. Định kỳ tiến hành sát trùng toàn bộ chuồng nuôi. Nuôi vịt với mật độ thích hợp; cho vịt ăn uống đầy đủ dưỡng chất đảm bảo vệ sinh. Thường xuyên bổ sung vitamine, men tiêu hóa... để tăng cường sức đề kháng. Tiêm vắc-xin phòng bệnh.

- **Điều trị:** Sử dụng kháng sinh Streptomycine liều 1ml/kg thể trọng, tiêm liên tục 3 - 5 ngày; hoặc sử dụng Penicilline liều lượng 30.000 đơn vị/kg thể trọng liên tục 3 - 5 ngày. Kết hợp các chất tăng sức đề kháng như Gluco K-C, điện giải... Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi để tránh lưu lại mầm bệnh hoặc lây lan ổ dịch.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- GD và các PGD Sở;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Phòng NN và PTNT các huyện;  
Phòng Kinh tế TX, TP;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTKN.

KS. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải